



CTCP CHỨNG KHOÁN CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

-----o0o-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



Phụ lục số II

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương (APECS)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103015146
- Vốn điều lệ: 390 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 14 Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – Hà Nội
- Số điện thoại: (04) 3573 0200
- Số fax: (04) 3577 1966
- Website: apec.com.vn
- Mã cổ phiếu: APS

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103015146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 21/12/2006 với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng.
- Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 37/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.
- Nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn cho hoạt động kinh doanh, Quý 3/2007 Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng. Ngày 01/10/2007 Ủy ban chứng khoán nhà nước đã có Quyết định số 78/UBCK-GPĐCCTCK điều chỉnh cấp bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty.
- Ngày 31/03/2008 Công ty đã gửi hồ sơ lên Ủy ban chứng khoán nhà nước đề nghị thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động với vốn điều lệ mới là 260 tỷ đồng. Ngày 23/04/2008 Ủy ban chứng khoán nhà nước đã có Quyết định số 124/UBCK-GPĐCCTCK chấp thuận hồ sơ.
- Tháng 7/2007: Chi nhánh HCM chính thức đi vào hoạt động.

- Ngày 24/06/2009: Cổ phiếu APEC Securities chính thức giao dịch trên thị trường Upcom.
- Tháng 1/2010: Chi nhánh Huế chính thức được cấp phép hoạt động.
- Ngày 19/03/2010, Cổ phiếu APEC Securities chấp thuận niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 07/07/2010 Ủy ban chứng khoán nhà nước đã có Quyết định số 338/UBCKNN – GP điều chỉnh giấy phép hoạt động tăng vốn điều lệ của APEC Securities lên 390 tỷ đồng.
- Tháng 7/2010 : Chi nhánh Đà Nẵng chính thức được cấp phép hoạt động.
- Tháng 9/2010 : Chi nhánh Vinh chính thức được cấp phép hoạt động.
- Do tình hình thị trường có nhiều diễn biến khó khăn, Công ty đã thu gọn mô hình, tinh giảm một số bộ phận để có thể tiếp tục duy trì và phát triển trong tương lai. Do vậy, tháng 11/2011: Đóng cửa Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh Vinh.
- Ngày 28/02/2012 Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương (APECS) đã hoàn tất các thủ tục theo quy định của UBCK Nhà nước, chính thức được cung cấp nghiệp vụ giao dịch ký quỹ (Margin trading) cho nhà đầu tư.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* *Ngành nghề kinh doanh*

- Dịch vụ môi giới chứng khoán
- Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Hoạt động nghiên cứu thị trường
- Hoạt động lưu ký chứng khoán
- Đấu giá bán cổ phần lần đầu
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

* **Địa bàn kinh doanh:** APECS cung cấp dịch vụ cho khách hàng trên cả nước. Tuy nhiên, hiện tại khách hàng tập trung chủ yếu tại Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin vĩ mô về tình hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương hoạt động theo mô hình quản trị công ty đại chúng, Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh và các Giám đốc Khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan

hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc phụ trách khối.

Nhìn chung, mô hình quản trị Công ty đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Do vậy, đã phát huy được hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị (HĐQT) đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị thông qua hệ thống các quy chế quản trị về chiến lược, đầu tư, quản lý rủi ro, kiểm tra kiểm soát

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á- Thái Bình Dương được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông : Là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, ĐHĐCĐ sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, sẽ bầu hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị : Là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát : Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban điều hành : Do HĐQT bổ nhiệm gồm có một Tổng giám đốc, hai Giám đốc Chi nhánh, một Kế toán trưởng. Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Giám đốc Chi nhánh và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng giám đốc.

- Các công ty con, công ty liên kết:
 - + Công ty cổ phần đầu tư CIC
 - + Công ty cổ phần phát triển thương mại VIVA Việt Nam

5. Định hướng phát triển.

D:0
C
C
H
CH
TÁI BI
TRU

Các mục tiêu chủ yếu của công ty trong năm 2013

- Nhận thức được rõ bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước còn nhiều khó khăn và thách thức, APECS hướng đến triển khai chiến lược nhất quán, đồng bộ, hiệu quả các chính sách về khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ cung cấp trên nền tảng công nghệ tiên tiến và quản trị rủi ro chặt chẽ.
- Bên cạnh việc chăm sóc tốt lượng khách hàng sẵn có, APECS không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước thông qua các tổ chức, đối tác, trung gian và từ chính đội ngũ nhân viên môi giới chuyên nghiệp của mình.
- Phát triển các sản phẩm tài chính, sản phẩm tư vấn, hội thảo để tiếp xúc gần gũi hơn với đội ngũ công tác viên và khách hàng. Đồng thời phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến nhằm tạo ra sự thuận tiện trong giao dịch, và đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng nâng cao doanh thu cho dịch vụ chứng khoán.
- Với sự biến động lãi suất năm 2012 có xu thế giảm dần, APECS liên tục cập nhật và điều chỉnh phù hợp với thị trường, xây dựng các sản phẩm mới đa dạng, thời hạn hợp lý tận dụng tối đa nguồn vốn. Tuy nhiên, APECS vẫn luôn sử dụng vốn trên cơ sở thận trọng, thẩm định đối tác kỹ càng, cơ cấu giao dịch chặt chẽ để bảo toàn vốn. Đồng thời vẫn đảm bảo thanh khoản tuyệt đối phục vụ hoạt động kinh doanh liên tục.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

APEC phấn đấu trở thành một trong mười công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam với trọng tâm là dịch vụ môi giới là chủ yếu.

6. Các rủi ro

Hoạt động trong điều kiện kinh tế và thị trường còn nhiều bất ổn, APECS luôn luôn chú trọng vào công tác quản trị rủi ro. Bằng việc xây dựng các quy trình quy định nghiệp vụ cụ thể của từng phòng ban, thiết lập quy định quản lý rủi ro tổng thể, và thực hiện nhất quán xuyên suốt từ cấp quản lý cao nhất đến các bộ phận nghiệp vụ, kết hợp việc kiểm tra kiểm soát thường xuyên của bộ phận kiểm soát nội bộ, APECS đã giảm thiểu những tác động tiêu cực có khả năng ảnh hưởng đến năng lực tài chính và kết quả hoạt động của công ty.

Rủi ro thị trường: Là khả năng thay đổi các yếu tố nội tại trong nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng, bao gồm những thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách điều tiết thị trường của chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của APECS. Những ảnh hưởng này thể hiện qua những biến động về mặt bằng lãi suất, tỷ giá hối đoái, mức độ chấp nhận rủi ro, thanh khoản của thị trường, chi phí giá vốn...những rủi ro này ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư tiền gửi, hoạt động đầu tư cổ phiếu

của APECS. Nhận thức được những bất ổn tiềm tàng trong nền kinh tế, nên APECS luôn thực hiện chiến lược đầu tư thận trọng, để đảm bảo được thanh khoản, và đạt hiệu quả cao nhất trong đầu tư.

Rủi ro thanh khoản: là rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán những khoản nợ đến hạn, rủi ro này xảy ra trong trường hợp công ty không thể phản ứng kịp thời trước những biến cố của thị trường. Rủi ro thanh khoản chịu tác động trực tiếp từ rủi ro quản trị dòng tiền, những sai sót trong cân đối dòng tiền hoặc khả năng thanh toán của đối tác đều ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của APECS. Trong năm 2012 APECS đã sử dụng hiệu quả các biện pháp quản trị rủi ro thanh khoản và không để xảy ra sự cố nào về khả năng thanh khoản.

Rủi ro tín dụng: Ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của APECS. Rủi ro tín dụng tác động đến APECS thông qua cho vay/ gửi tiền và giao dịch ký quỹ. Rủi ro này phát sinh khi đối tác không hoàn thành khả năng thanh toán. Vì vậy, APECS thực hiện đa dạng hóa đối tác và phân bổ hạn mức tín dụng đối với từng đối tác. Đối với giao dịch ký quỹ, APECS thực hiện thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và thường xuyên đánh giá các mã cổ phiếu trong danh mục chứng khoán ký quỹ dựa trên nhiều yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu thông qua phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp và các triển vọng ngành. Bằng việc thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng, năm 2012 APECS đã không để xảy ra tình trạng tổn thất vốn, hay nợ xấu.

Rủi ro vận hành: rủi ro vận hành có thể gặp phải trong quá trình kinh doanh bao gồm nguy cơ trộm cắp lừa đảo, nhân viên có hành vi kinh doanh không hợp pháp, hoặc lưu trữ, hạch toán giao dịch sai nguyên tắc... Những rủi ro này có thể khiến APECS chịu những tổn thất về tài chính, về uy tín thậm chí có thể phải chịu sự can thiệp của chính quyền. Để hạn chế những rủi ro này, APECS xây dựng các quy trình hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể của từng bộ phận, đảm bảo có kiểm soát chéo trong hoạt động nghiệp vụ hàng ngày, thực hiện tự động hóa nhằm giảm thiểu rủi ro từ thao tác thủ công hoặc cố ý từ con người gây ra. Bên cạnh đó liên tục đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên.

Rủi ro tuân thủ: Rủi ro tuân thủ phát sinh khi công ty không tuân thủ theo những quy định của pháp luật hoặc nhân viên công ty không tuân thủ theo quy định của pháp luật, quy định của nội bộ công ty, dẫn đến những thiệt hại về tài sản, uy tín, mất cơ hội kinh doanh,... Từ thực tế trên các phương tiện truyền thông đưa tin đã có rất nhiều sai phạm xảy ra ở các công ty chứng khoán, tranh chấp giữa nhà đầu tư và công ty chứng khoán.... Nhận

thức được tính nghiêm trọng từ rủi ro tuân thủ. APECS đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ từ nhiều năm nay, thường xuyên kiểm tra tại các bộ phận nhằm đảm bảo tính tuân thủ cao. Các báo cáo kiểm soát đã giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi quy trình nghiệp vụ và đề xuất các biện pháp khắc phục sai sót, giảm thiểu rủi ro.

Năm 2013 APECS tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh nhằm nâng cao tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin: Hệ thống và bảo mật công nghệ thông tin là một trong những yếu tố quyết định tạo nên thành công của công ty chứng khoán. Vì vậy, APECS luôn coi trọng và tuân thủ các quy trình hoạt động hàng ngày để đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục không bị gián đoạn, tuyệt đối bảo mật thông tin khách hàng.

Rủi ro quản trị nguồn nhân lực: Nhân lực trong thị trường tài chính thiếu nhân lực trình độ cao và bị cạnh tranh bởi các đơn vị lớn, tập đoàn tài chính hùng hậu. APECS luôn lấy trọng tâm phát triển nguồn nhân lực làm nền tảng. APECS luôn đặt mục tiêu xây dựng các chính sách đãi ngộ cạnh tranh với thị trường để duy trì đội ngũ nhân tài đồng thời liên tục đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao trình độ nhân viên. Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo, công bằng, hiệu quả.

Rủi ro thương hiệu: Thương hiệu là tổn thất thiệt hại về hình ảnh, niềm tin của khách hàng đối với công ty. Ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động kinh doanh của công ty do nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ của khách hàng đối với công ty suy giảm. APECS luôn chú trọng xây dựng hình ảnh công ty, đảm bảo thực hiện khách hàng tốt nhất và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin. Đội ngũ nhân viên luôn nêu cao tinh thần tự hào về thương hiệu, nhận thức rõ giá trị thương hiệu mà APECS đã đạt được từ đó chung tay xây dựng và làm đẹp thêm hình ảnh APECS trên thị trường.

Rủi ro pháp luật: Hệ thống pháp luật hướng dẫn đang trong quá trình hoàn thiện, số lượng văn bản ban hành mỗi năm rất lớn, và chính sách vĩ mô thay đổi trong từng giai đoạn ngắn. Trong điều kiện đó, một số rủi ro cụ thể có thể phát sinh bao gồm pháp luật thay đổi ảnh hưởng tới hoạt động của công ty, Công ty không kịp thay đổi kịp thời, hoặc hiểu sai, vận dụng sai quy định của pháp luật trong trường hợp cụ thể... Năm 2012, APECS đã hạn chế những rủi ro này, bằng sự liên tục cập nhật những văn bản pháp luật mới, tham gia các buổi hội thảo lấy ý kiến, các buổi tập huấn ...

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Trong năm 2012, mặc dù doanh thu giảm mạnh so với năm trước và chỉ đạt 31,033 tỷ nhưng kết quả kinh doanh năm 2012 lợi nhuận sau thuế của Công ty APEC đạt 14,174 tỷ. So với năm 2011 khi kết quả kinh doanh lỗ 91,797 tỷ thì kết quả kinh doanh năm nay là một kết quả tương đối tốt trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đang gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Để đạt được kết quả như vậy, Công ty APEC đã thực hiện những chính sách và đường lối phù hợp như đẩy mạnh dịch vụ chăm sóc khách hàng, nâng cao tinh thần và trách nhiệm làm việc của nhân viên song song với các biện pháp tiết kiệm tối đa chi phí
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So với kế hoạch đặt ra trong năm 2012, công ty APEC đã đạt kế hoạch nhờ việc thực hiện triệt để các biện pháp đã đề ra Công ty APEC là một trong số ít các Công ty chứng khoán có lãi trong năm 2012.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách ban điều hành:

Ông Nguyễn Đỗ Lăng – Tổng Giám đốc

- Quá trình công tác:

Từ năm 1998 - 2000:	Giám đốc điều hành Công ty Prometeo- Italia.
Từ năm 2000 - 2006:	Chủ tịch HDTV Công ty TNHH tư vấn quốc tế Cát Tường-CIC.
Từ năm 2006-nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương.
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế Đại học Trento – Nước Cộng Hòa Italia

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.157.900 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 5.53%

Ông Đặng Anh Tuấn – Giám đốc Chi nhánh Huế

- Quá trình công tác:

Từ năm 1983 – 1992:	Trưởng phòng Kế hoạch – Công ty Vật tư Thành phố Huế
Từ năm 1992 – 1995:	Trợ lý Giám đốc – Công ty Xuất nhập khẩu – Thành phố Huế
Từ năm 1995 – 2000:	Phó Giám đốc – Công ty XNK Thái Hòa Thừa Thiên Huế

Từ năm 2001 – 2003:	Chuyên viên – Công ty Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế
Từ năm 2003 – 2005:	TP Dự Án – Công ty cổ phần Bất động sản Sông Đà
Từ năm 2005 – 2007:	Kế toán trưởng – Công ty CP Tư vấn và chuyển giao công nghệ Quốc tế (ICT)
Từ năm 2007 – nay:	Giám đốc chi nhánh Huế – Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương & Cử nhân Luật Kinh tế - Đại học Huế
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Bà Lê Thị Quy – Kế toán trưởng

- Quá trình công tác:

Từ năm 2004 – 2007:	Kế toán tổng hợp – CT TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Từ năm 2007 – 2009:	Trưởng nhóm tư vấn tài chính Doanh nghiệp – Công ty CP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
Từ năm 2009 – 2010:	Nhân viên Kiểm soát nội bộ – Công ty CP Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương
Từ năm 2010 – 2011:	Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ – Công ty CP Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương
Từ năm 2011 – nay:	Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm qua Ban điều hành Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á- Thái Bình Dương không có sự thay đổi nào.

- Số lượng và chất lượng nhân sự: Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy APECS luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình, tổng số lượng người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 31/12/2012 là 53 người, trong đó:

Danh mục	31/12/2012	Tỷ lệ	31/12/2011	Tỷ lệ
- Đại học và trên Đại học	51	96.23%	83	95.40%
- Cao đẳng	2	3.77%	3	3.45%
- Trung cấp	0	0.00%	1	1.15%
- Học vấn 12/12	0	0.00%	0	0.00%
- Lao động phổ thông	0	0.00%	0	0.00%
Tổng cộng	53	100,00%	87	100,00%

Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Chính sách đối với người lao động

Chính sách việc làm

Tạo cơ hội làm việc công bằng cho tất cả mọi nhân viên của Công ty. Không một nhân viên nào làm việc ở bất kể bộ phận nào của Công ty bị phân biệt đối xử vì tôn giáo, đảng phái, dân tộc, tuổi tác, giới tính, tàn tật, hay tình trạng của quá khứ.

Chính sách của Công ty là tạo cơ hội làm việc bình đẳng và tuyển dụng nhân viên trên một cơ sở duy nhất đó là khả năng, trình độ và chuẩn mực đạo đức đáp ứng nhu cầu công việc cần đảm đương. Công ty chỉ chọn những người có năng lực và phù hợp nhất để đảm đương các cương vị làm việc thích hợp.

Ngay từ những ngày đầu, các nhân sự mới được tham gia những khóa đào tạo hội nhập để hiểu rõ cơ cấu tổ chức, hoạt động, thương hiệu, quy trình nghiệp vụ liên quan đến vị trí công việc, nghĩa vụ và quyền lợi khi làm việc tại APECS.

Mọi nhân viên được tuyển dụng vào Công ty đều phải qua thời gian thử việc và thử thách. Mục đích của thời gian này là để nhân viên mới đánh giá xem họ có thật sự phù hợp và thích ứng với công việc cũng như cơ hội mà Công ty cung cấp hay không. Mặt khác, đây cũng là thời gian giúp cho cán bộ quản lý xem xét và đánh giá về năng lực, đạo đức, tác phong và khả năng hoà nhập của nhân viên mới trước khi có quyết định tiếp nhận chính thức.

Chính sách của Công ty là mọi nhân viên trừ người làm vụ mùa ngắn hạn, đều phải có hợp đồng lao động theo quy định của Luật.

Chính sách lương

Công ty trả lương trên cơ sở dựa vào các yếu tố bao gồm vị trí công việc, kiến thức và kỹ năng công việc đòi hỏi, mức độ cạnh tranh trên thị trường lao động và mức độ hoàn thành công việc của CBCNV. Dựa vào vị trí công việc, thang lương sẽ được xây dựng phù hợp. Vậy quyết định về toàn bộ chế độ lương thưởng phải tính đến điều kiện kinh tế và vị trí cạnh tranh cũng như chiến lược chung của Công ty.

Việc đánh giá thành tích, kết quả của mỗi nhân viên phải được đánh giá thường xuyên bởi Giám đốc bộ phận/ Giám đốc chi nhánh. Đánh giá phải bằng văn bản và cập nhật vào hồ sơ. Công ty có thể có khoản trợ cấp thôi việc cho các nhân viên chấm dứt việc làm trong những hoàn cảnh và

trường hợp giới hạn. Công ty sẽ xác định các điều khoản và điều kiện cho trợ cấp thôi việc và thông báo cho mọi nhân viên biết theo quy định của luật pháp hiện hành.

Kế hoạch đào tạo

Mọi nhân viên có hợp đồng lao động chính thức với Công ty đều có quyền được đào tạo. Công ty chú trọng đến đào tạo, nâng cao trình độ và coi nhân viên là tài sản quý nhất của Công ty.

Ngoài các khóa đào tạo kiến thức chuyên môn đặc thù và các chứng chỉ hành nghề bắt buộc của cơ quan quản lý nhà nước APECS khuyến khích nhân viên thi các chứng chỉ tài chính quốc tế như CFA... và các chương trình nâng cao kỹ năng mềm ...

Hàng năm, Công ty tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn mở tại khu vực và tại Công ty.

Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty nhằm gia tăng về chất.

Giám đốc hành chính nhân sự theo dõi mọi diễn biến động trong quá trình đào tạo, huấn luyện và phải cập nhật các thông tin thay đổi đó về đào tạo vào cơ sở dữ liệu và lưu trữ hồ sơ cho từng nhân viên để có thể theo dõi toàn bộ lịch sử làm việc, thành tích, kết quả huấn luyện, các khóa đào tạo đã qua ...

Chính sách khen thưởng, phúc lợi

Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo.

Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát, hàng tháng đều tổ chức sinh nhật cho những nhân viên sinh nhật trong tháng.

Hàng năm, Công ty có chế độ nghỉ và nghỉ phép có lương cho nhân viên chính thức, làm cả ngày và làm một phần thời gian, theo quy định của Luật.

Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Công ty đang thực hiện chương trình xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, tạo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.

Công tác BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2012, Công ty APECS không thực hiện các khoản đầu tư lớn cũng như thực hiện các dự án lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty APECS hiện đang góp vốn đầu tư vào hai Công ty là Công ty cổ phần đầu tư CIC và Công ty cổ phần phát triển thương mại

VIVA Việt Nam. Tuy nhiên vốn góp của Công ty APECS không nhiều và do mới thành lập nên hai Công ty là Công ty cổ phần đầu tư CIC và Công ty cổ phần phát triển thương mại VIVA Việt Nam cũng chưa phát sinh nhiều nghiệp vụ và chưa đánh giá được hiệu quả kinh doanh của hai Công ty này.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

TT	Danh mục	Năm 2012	Năm 2011	% 2012/11
1	Tổng giá trị tài sản	385.795.578.231	413.011.182.572	-7%
2	Doanh thu thuần	31.033.366.461	88.170.386.613	-35%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.103.495.002	(94.793.485.920)	
4	Lợi nhuận khác	7.070.558.802	2.995.873.827	+ 236%
5	Lợi nhuận trước thuế	14.174.053.804	(91.797.612.093)	
6	Lợi nhuận sau thuế	14.174.053.804	(91.797.612.093)	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	5,96	3,83
Hệ số thanh toán nhanh = (TSNH- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	5,96	3,83
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	15,86	24,83
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	18,84	33,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: = Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	0	0	0
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	8,04	21,35
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	45.67	(104,11)
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	4.37	(29,57)
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	3.67	(22,23)
- Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	22.89	(107,51)
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ	%	3.63	(23,54)

Nguồn: BCTC của APEC Securities năm 2012 được kiểm toán bởi Cty kiểm toán VACO

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tính đến thời điểm 31/12/2012, vốn điều lệ của Công ty là 390 tỷ đồng tương đương với số cổ phiếu đang lưu hành là 39.000.000 cổ phiếu. Toàn bộ số lượng cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Số lượng cổ phần hạn chế giao dịch hiện tại là 1.860 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Số lượng	Số lượng cp sở hữu	% Sở hữu
1. TRONG NƯỚC	2,865	37,669,410	96.59%
a. Cá nhân	2,844	33,588,080	86.13%
b. Tổ chức	21	4,081,330	10.47%
2. NƯỚC NGOÀI	18	1,328,500	3.41%
a. Cá nhân	15	222,200	0.57%
b. Tổ chức	3	1,106,300	2.84%
Tổng cộng	2,883	38,997,910	100.00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại 2.090 cổ phiếu. Trong năm qua không thực hiện các giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2012, mặc dù doanh thu giảm mạnh so với năm trước và chỉ đạt 31,033 tỷ nhưng kết quả kinh doanh năm 2012 lợi nhuận sau thuế của Công ty APEC đạt 14,174 tỷ. So với năm 2011, kết quả kinh doanh lỗ 91,797 tỷ thì kết quả kinh doanh năm nay là một kết quả tương đối tốt trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đang gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Để đạt được kết quả như vậy, Công ty APEC đã thực hiện những chính sách và đường lối phù hợp như đẩy mạnh dịch vụ chăm

015
 I TY
 HAN
 CHO,
 I A
 DUC
 - TP

sóc khách hàng, nâng cao tinh thần và trách nhiệm làm việc của nhân viên song song với các biện pháp tiết kiệm tối đa chi phí. Như vậy, so với kế hoạch đặt ra trong năm 2012, công ty APEC đã đạt kế hoạch nhờ việc thực hiện triệt để các biện pháp đã đề ra Công ty APEC là một trong số ít các Công ty chứng khoán có lãi trong năm 2012.

2. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài sản: Trong năm 2012, tình hình tài sản của APECS có một số biến động như việc giảm đầu tư tài chính ngắn hạn từ 158.8 tỷ xuống còn 129.4 tỷ và các khoản phải thu giảm từ 219.85 tỷ xuống còn 172.53 tỷ. Ngoài ra các chỉ tiêu tài sản khác không có nhiều biến động.
- b) Tình hình nợ phải trả: Trong năm 2012, nợ phải trả của APECS là 61.17 tỷ đồng trong đó nợ vay ngắn hạn chỉ có 1.5 tỷ đồng. Nợ phải trả chủ yếu là các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư chiếm 47.488 tỷ tương ứng với số dư tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư tại APECS.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong năm 2012 APECS thực hiện cơ cấu lại Khối phòng ban trong công ty theo hướng hiệu quả và tinh gọn nhằm đảm bảo hoạt động của công ty trong thời kỳ suy thoái kinh tế, cụ thể công ty đã cắt giảm 24 nhân sự trên toàn hệ thống. Tuy số lượng nhân sự năm 2012 ít hơn năm 2011 nhưng hiệu suất của từng phòng ban và từng nhân viên lại đạt hiệu quả tốt hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Năm 2013 nhìn chung thị trường vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng và nền kinh tế nói chung mà cuối năm 2012 giá ngoại tệ, giá vàng và lãi suất ngân hàng có nhiều biến động. Lượng vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán giảm sút, cộng với niềm tin của nhà đầu tư cũng đã bị bào mòn qua thời gian dài thị trường liên tục đi xuống. Đầu năm 2013, vẫn với tâm lý thận trọng, dự báo khả năng phục hồi của thị trường không nhiều. Đứng trước những khó khăn như vậy, với mục tiêu đầu tư phát triển về chiều sâu, APEC Securities tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa các sản phẩm chứng khoán cùng với việc đầu tư mạnh cho hệ thống công nghệ thông tin, đưa một số sản phẩm trực tuyến mới vào sử dụng đáp ứng đầy đủ tiện ích cần thiết cho khách hàng. Bên cạnh đó, APEC Securities cũng tăng cường các dịch vụ nhằm khuyến khích khách hàng giao dịch chứng khoán. Tiếp tục xây dựng APEC Securities thành

103
ÔNG
Đ P.
NG
HÀ
BÌNH
UNG

một tổ chức có tính hệ thống chặt chẽ theo hướng phát triển bền vững, xây dựng nền tảng trên cơ sở củng cố và phát triển hệ thống quản trị nội bộ bao gồm quản trị điều hành và quản trị tài chính.

Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại: Từ khi vừa mới thành lập, công ty đã nhận thức được việc đầu tư vào Công nghệ thông tin là mục tiêu hàng đầu của công ty. Một mặt đáp ứng yêu cầu quản lý mạng lưới và khách hàng ngày càng mở rộng của công ty. Mặt khác hệ thống cũng đáp ứng các đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng. APEC Securities là công ty thứ 2 trên thị trường chứng khoán cho phép nhà đầu tư giao dịch qua Internet.

Con người: Từ nhận thức con người là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp nên ngay từ khi thành lập công ty đã có những chính sách nhân sự đúng đắn, phù hợp giúp công ty thu hút được những chuyên viên tài chính có trình độ và tâm huyết gắn bó với công ty, và giúp công ty duy trì được bộ máy nhân sự ổn định tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các nghiệp vụ của công ty.

Định hướng phát triển của Công ty

Mục tiêu của APEC Securities trong năm 2013 và các năm tiếp theo là tiếp tục ổn định – phát triển – đầu tư công nghệ - nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự - đa dạng các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho nhà đầu tư, quảng bá thương hiệu trên thị trường chứng khoán.

Mạng lưới

Ngoài việc mở chi nhánh, phòng giao dịch độc lập trực thuộc APEC Securities, APEC Securities có chiến lược hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước để phát triển APEC Securities theo hướng đa dạng đối tác, đa dạng sản phẩm.

Công nghệ

Công nghệ được coi là yếu tố được ưu tiên phát triển tại APEC Securities. APEC Securities hiện đang triển khai phát triển và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ theo chuẩn quốc tế, đảm bảo cung cấp các công cụ hữu hiệu cho các hoạt động giao dịch

Dịch vụ

Bên cạnh việc phát triển mạng lưới của mình, APEC Securities cũng đồng thời phát triển sản phẩm và dịch vụ cho các Nhà đầu tư như: Các dịch vụ thu xếp vốn, bảo lãnh phát hành cho doanh nghiệp, quản lý tài sản và tư vấn đầu tư cho các tổ chức và cá nhân là các dịch vụ đang và sẽ được tập trung nguồn lực phát triển trong giai đoạn sắp tới. APEC Securities phát triển mạng lưới các đối tác chiến lược ở các thị trường khác nhau, các lĩnh vực khác nhau thông qua hợp tác toàn diện để đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất cho cả doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Hiện nay số lượng các giao dịch qua dịch vụ giao dịch trực tuyến của công ty đang chiếm tới 90% trên tổng lượng giao dịch. Vì vậy thị trường cho giao dịch trực tuyến phát triển là rất tiềm năng và giảm được chi phí nhân sự. Đối tượng tham gia mua bán CK tập trung chủ yếu ở các thành phố, thị xã .. những nơi đã có hạ tầng về Internet phát triển và là những thị trường tài chính lớn.

Đa dạng hóa nhu cầu của khách hàng, triển khai các dịch vụ tài chính đa dạng áp dụng riêng cho từng nhóm khách hàng theo quy định của UBCKNN.

Đầu tư

Đối với các hoạt động đầu tư tự doanh và tư vấn đầu tư cho khách hàng, APEC Securities chủ trương lựa chọn các doanh nghiệp ổn định, phát triển bền vững, không đầu tư chạy theo các xu thế ngắn hạn của thị trường. Cùng với các đối tác và khách hàng, APEC Securities sẽ tập trung nguồn lực để có thể đầu tư đủ lớn, trực tiếp tham gia giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tạo dựng giá trị gia tăng và tối đa hóa lợi nhuận cho công ty cũng như nhà đầu tư.

Nhân sự

APEC Securities xác định việc phát triển nguồn lực là yếu tố cơ bản đảm bảo sự thành công cho công ty trong tương lai. APEC Securities phát triển chiến lược nhân sự năng động nhằm thu hút được những cá nhân xuất sắc tham gia và gắn bó lâu dài với công ty. Chiến lược nhân sự của có thể được tóm tắt bao gồm việc tuyển dụng đa kênh nhằm tìm kiếm vào những cá nhân có năng lực và phẩm chất đạo đức phù hợp, trọng dụng và mạnh dạn phân quyền cho các cá nhân được tuyển dụng và chính sách đãi ngộ thích hợp, bao gồm cả việc chia sẻ lợi nhuận hoạt động nhằm khuyến khích và giữ chân các cán bộ có năng lực. Hiện nay APEC Securities đang tập trung tuyển những chuyên viên Việt Nam đã từng học tập và làm việc ở nước ngoài cũng như những chuyên viên nước ngoài về tài chính, đầu tư, để tập trung phát triển và khai thác thị trường quốc tế như Nhật Bản, Châu Âu và Bắc Mỹ.

Quảng bá, phát triển thương hiệu

Thông qua các sản phẩm, bài viết của Phòng phân tích về thị trường chứng khoán, các chính sách vĩ mô của Chính phủ hoặc sự biến động lớn về kinh tế, tài chính, tiền tệ, giá vàng, dầu, tỷ giá ... trên thế giới và trong nước đăng trên các báo mạng, báo viết ... để quảng bá hình ảnh của APEC Securities.

Tổ chức hội nghị khách hàng, các buổi phân tích nhỏ sau các phiên giao dịch, tư vấn chăm sóc khách hàng,

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012, do tác động nhiều mặt từ những bất ổn của vĩ mô từ năm 2010 và 2011 (lạm phát, tỷ giá, giá vàng, và thị trường bất động sản...) và những khó khăn của nền kinh tế toàn cầu, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục âm ảm, khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch giảm mạnh so với năm 2011. Do vậy đã ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch kinh doanh năm 2012 của Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương.

Kế hoạch kinh doanh năm 2012 đã được xây dựng trên cơ sở nhận định sự hồi phục của nền kinh tế và kỳ vọng vào sự tăng trưởng của thị trường so với năm 2011. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán năm 2012 đã diễn ra không theo những nhận định ban đầu nhưng bằng sự cố gắng nỗ lực của công ty nên kết thúc năm 2012, mặc dù kết quả kinh doanh của công ty chỉ đạt ở mức rất thấp, doanh thu đạt 31.033 tỷ nhưng lợi nhuận sau thuế đạt 14.174 tỷ đạt kế hoạch đã đề ra

Tuy vậy trong năm 2012, công ty cũng thu được một số kết quả khả quan trong hoạt động quản trị và các nghiệp vụ theo hướng chuyên nghiệp:

- Vận hành ổn định hệ thống phần mềm giao dịch cùng với hệ thống giao dịch trực tuyến cùng với các sản phẩm phụ trợ giúp công ty quản lý hiệu quả gần 30.000 tài khoản của khách hàng.

- Cắt giảm các chi phí không cần thiết, cắt giảm chi nhánh, bộ phận hoạt động không hiệu quả.

- Năm 2012, các quy trình, quy chế của APEC đã được hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn tác nghiệp cũng nhanh chóng được ban hành nhằm chuẩn mực hóa mọi hoạt động của công ty và đáp ứng kịp thời những yêu cầu của Cơ quan quản lý.

- Chú trọng phương án phát triển nguồn nhân lực, tăng cường nhân sự cho ban lãnh đạo và các chức danh quản lý khác.

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2010-2012

Đơn vị: đồng

TT	Danh mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	% 2012/11
1	Tổng giá trị tài sản	1.259.732.670.832	413.011.182.572	385.795.578.231	-7%
2	Doanh thu thuần	214.230.559.528	88.170.386.613	31.033.366.461	-64.8%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.719.694.626	(94.793.485.920)	7.103.495.002	
4	Lợi nhuận khác	3.377.771.132	2.995.873.827	7.070.558.802	233.33

5	Lợi nhuận trước thuế	44.097.465.758	(91.797.612.093)	14.174.053.804	
6	Lợi nhuận sau thuế	44.097.465.758	(91.797.612.093)	14.174.053.804	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.365	(2.354)	363	
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức				

Nguồn: BCTC của APEC Securities được kiểm toán bởi Cty kiểm toán VACO

*** Nguyên nhân thay đổi lớn về kết quả kinh doanh năm 2012 so với năm 2011:**

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 lãi 14,174 tỷ đồng, tăng so với năm 2011 (lỗ: 91,797 tỷ đồng) là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Mặc dù năm 2012 là một năm kinh tế đầy khó khăn, thị trường chứng khoán vẫn chưa có sự bứt phá tích cực mà vẫn còn nhiều phiên giao dịch âm ảm về khối lượng và giá trị cổ phiếu giao dịch dẫn đến doanh thu về hoạt động môi giới chứng khoán và doanh thu khác của APECS giảm mạnh. Nhận định được những khó khăn và thử thách trước mắt, APECS đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm giúp công ty trụ vững trước những khó khăn và tạo tiền đề cho sự bứt phá trong tương lai. Với việc nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường hệ thống hỗ trợ cũng như tinh lọc đội ngũ nhân viên và thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí, Công ty APECS đã bước đầu vượt qua khó khăn và kết quả kinh doanh năm 2012 lãi hơn 14 tỷ đồng cũng là một kết quả tương đối tốt trong bối cảnh nền kinh tế chung còn vô vàn khó khăn.

Các thay đổi chủ yếu trong năm

- Đầu tư và phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng năng lực cạnh tranh như: Nâng cấp phần mềm giao dịch trực tuyến Online trading (chuyên tiền online, giao dịch lô lẻ, đăng ký thực hiện quyền trực tuyến, thông tin thị trường, lệnh nhiều ngày)
- Phần mềm Quản lý các khoản vay hỗ trợ vốn dành cho nhà đầu tư trên hệ thống Core.
- Tình hình thị trường trong năm qua tương đối khó khăn do sự khủng hoảng kinh tế nói chung và sự suy thoái của thị trường chứng khoán nói chung, đã khiến cho hoạt động của các công ty chứng khoán lâm vào tình trạng khó khăn. Do vậy, để có thể tồn tại và phát triển trong tương lai, Công ty đã thu gọn mô hình tổ chức, đóng cửa hai chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh Hải Phòng.

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Trong năm 2013 và những năm tiếp theo, APEC sẽ nỗ lực hơn nữa vượt qua những khó khăn và trên đà phát huy những thế mạnh riêng của mình để kinh doanh hiệu quả, cùng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán, từng bước thực hiện mục tiêu trở thành “Công ty chứng khoán bán lẻ tốt nhất Việt Nam”.

Trong tầm nhìn chiến lược và dài hạn của mình, APEC Securities xác định sẽ đồng hành với khách hàng thông qua các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán với công nghệ tối ưu nhằm đem lại hiệu quả đầu tư tốt nhất cho khách hàng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị ghi nhận những cố gắng rất lớn của toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên APEC trong bối cảnh thị trường chứng khoán có những biến động xấu, trên 50% số Công ty chứng khoán thua lỗ trong năm 2012 và rất nhiều Công ty chứng khoán bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt, một số công ty còn bị rút các nghiệp. Ngoài ra, Công ty luôn nằm trong nhóm những công ty chứng khoán có độ ổn định cao về tài chính khi đạt được những chỉ tiêu về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ tổng nợ/vốn chủ sở hữu, tỷ lệ nợ ngắn hạn/tài sản ngắn hạn và tỷ lệ giá trị c.n lại của tài sản cố định/vốn điều lệ. Điều này thực sự làm tăng thêm niềm tin nơi nhà đầu tư vào thương hiệu APEC..

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong những năm tiếp theo, Hội đồng Quản trị thống nhất giữ vững những định hướng chiến lược đã vạch ra, đồng thời bổ sung những điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế trong năm 2013 như sau:

- Tiếp tục tăng năng lực tài chính thông qua việc triển khai tìm kiếm và lựa chọn đối tác chiến lược theo chiến lược phát triển giai đoạn 2013 – 2016. Tiến hành phát hành thêm cổ phiếu để huy động thêm vốn, tăng cường tiềm lực tài chính, bổ sung nguồn vốn cho các nghiệp vụ kinh doanh và năng lực cạnh tranh trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục cấu trúc lại nguồn vốn, tài sản và cơ cấu thu nhập theo hướng đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ: môi giới, giao dịch ký quỹ, nhằm đạt được sự hiệu quả, ổn định và an toàn

- Cùng cố và nâng cao chất lượng quản trị, tập trung vào việc hỗ trợ và chỉ đạo Ban điều hành trong công tác phát triển khách hàng, đặc biệt tập trung vào thu xếp, hỗ trợ vốn cho các hoạt động dịch vụ của công ty, mở rộng các quan hệ hợp tác và quản l. rủi ro hoạt động.

- Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực để có đội ngũ nhân sự sức thích nghi với những thay đổi của môi trường kinh doanh và triển khai các mục tiêu phát triển của công ty.

- Phân đầu đến năm 2014 có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị:

Tên, chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần biểu quyết
1. Ông Nguyễn Đỗ Lăng – Chủ tịch HĐQT	5.56%
2. Ông Nguyễn Duy Khanh - Ủy viên HĐQT	1.3%
3. Bà Huỳnh Thị Mai Dung - Ủy viên HĐQT	7.28%
4. Ông Vũ Trọng Quân - Ủy viên HĐQT	0%
5. Ông Hồ Xuân Vinh - Ủy viên HĐQT	0.02%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với tình hình kinh tế, thị trường tài chính diễn biến bất thường gây nhiều khó khăn cho hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành thông qua việc ban hành các nghị quyết liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hiện tại cơ cấu Hội đồng quản trị của APEC không có thành viên độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty hiện tại chưa có các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Hiện tại số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Hoài Phương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Hoài Giang	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Đức Việt	Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát hiện tại không nắm giữ cổ phiếu của Công ty chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2012, hoạt động của Ban kiểm soát cũng là thành tố quan trọng góp phần vào sự thành công của Công ty

Với kinh nghiệm quản lý, trình độ cao về nghiệp vụ kế toán, tài chính, các thành viên Ban kiểm soát đã phát huy vai trò là người đại diện của cổ đông thực hiện giám sát HĐQT và Ban Điều hành để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều lệ, tuân thủ Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Hội đồng quản trị và Ban điều hành cũng có những nỗ lực thiết thực tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình qua việc cụ thể hóa các quy định hoạt động của Ban kiểm soát trong Quy chế Quản trị công ty và các văn bản nội bộ khác.

Bên cạnh việc thực hiện kiểm tra khi có phát sinh thông tin hay yêu cầu từ Cổ đông, Ban kiểm soát thường xuyên tham dự định kỳ các cuộc họp cấp quản lý Công ty, các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc giám sát thông qua tài liệu họp.

Song song với hoạt động của Ban kiểm soát là hoạt động của Bộ phận Kiểm soát nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán. Bộ phận Kiểm soát nội bộ với đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm thực hiện kiểm soát việc tuân thủ các quy trình, quy chế của công ty. Để tăng cường khả năng giám sát, Ban kiểm soát định kỳ làm việc cùng Bộ phận Kiểm soát nội bộ, đồng thời các báo cáo của Kiểm soát nội bộ cũng là nguồn thông tin quan trọng giúp cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.

Trong năm qua Ban kiểm soát đã họp 4 lần và nội dung các cuộc họp xoay quanh việc kiểm soát và thực hiện các vấn đề sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 và kế hoạch kinh doanh năm 2013.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012
- Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện đúng các Quy chế, qui định của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác: Trong năm 2012, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được chi trả như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc: 1.013.771.000 đồng
- Thù lao của Ban Kiểm soát: 22.000.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Đỗ Lăng	CT.HĐQT kiêm TGD	6.932.900	17,75%	2.157.900	5.53%	Mua, bán
2	Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành Viên HĐQT	1.020.000	2,62%	2.840.000	7,28%	Mua, bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

VI. Báo cáo tài chính

1. **Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và cá quy định pháp lý có liên quan.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 108 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.3577.0781; Fax: 04.3577.0787
Email: vaco.vn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Số *134* **MACQUICKT/NT2**

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán hàng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 22/03/2013 của Công ty Cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 26. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống kê kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các quyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính như sau

Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá cổ phiếu chưa niêm yết và phải thu các hợp đồng bán lại cổ phiếu chưa niêm yết, do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu này.

Khoản tiền gửi cho mục đích giao dịch chứng khoán được Công ty quản lý theo tài khoản tăng (tài khoản đang tên của Công ty tại ngân hàng để thực hiện các giao dịch này rút tiền cho nhà đầu tư.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0117/KTV



Trịnh Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số D.0026/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2013

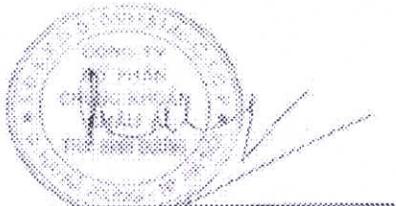
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG Báo cáo tài chính
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B01-CTCK
Đơn vị: VND

	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
3. Tài sản nhận ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Nguyên tố các loại		-	-
6. Chứng khoán lưu ký		1,478,591,680,000	1,590,972,320,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	1,425,303,770,000	1,478,654,560,000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	7,215,130,000	12,495,090,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng	009	1,417,574,860,000	1,446,159,470,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		313,720,000	-
- Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	14,322,400,000	104,309,580,000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách	014	14,322,400,000	104,309,580,000
6.3 Chứng khoán chờ thanh toán	027	29,043,900,000	18,015,900,000
- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	70,000,000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách	029	29,043,900,000	17,945,900,000
6.4 Chứng khoán chờ giao dịch	037	9,921,870,000	9,792,280,000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách	039	9,921,870,000	9,792,280,000
7. Chứng khoán chưa niêm yết		55,910,810,000	55,769,180,000
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	55,910,810,000	55,769,180,000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	55,910,810,000	55,769,180,000



Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2013



Lê Thị Quy
Kế toán trưởng



Lưu Lan Hương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THẢI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃU B01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300-310)	300		61.172.005.539	102.561.663.684
I. Nợ ngắn hạn	310		61.172.005.539	102.561.663.684
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	1.500.000.000	38.108.759.991
2. Phải trả người bán	312		336.373.399	713.836.830
3. Người mua trả tiền trước	313		721.590.320	840.096.320
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.541.241.231	8.129.843.102
5. Phải trả nhân viên	315		543.243.312	825.769.162
6. Chi phí phải trả	316	18	3.892.486.946	5.754.573.406
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	1.995.429.794	1.548.313.462
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	47.488.433.531	43.513.071.184
9. Phải trả bộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.978.626.617	1.984.687.900
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		305.633.359	351.050.159
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		70.946.870	810.510.382
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400-410)	400	19	324.623.572.692	310.449.518.888
I. Vốn chủ sở hữu	410		324.623.572.692	310.449.518.888
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		390.000.000.000	390.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.868.000.000	2.868.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(74.244.427.308)	(88.418.481.112)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	400		385.795.578.231	413.011.182.572

Các thành viên từ trang 9 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

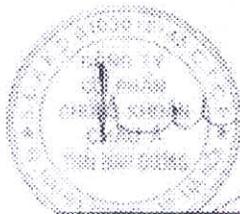
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
 Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ B 02-CTCK
 Đơn vị: VND

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu	01	20	31,033,366,461	88,202,374,834
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		9,011,245,408	12,353,449,857
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		6,105,498,400	3,529,979,929
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		20,000,000	329,545,450
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		619,594,714	-
Doanh thu khác	01.9		15,277,027,939	71,987,399,793
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	31,988,121
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		31,033,366,461	88,170,386,613
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	21	14,063,654,214	167,566,549,550
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		16,969,712,247	(79,396,162,937)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,866,217,245	18,397,322,983
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		7,103,495,002	(94,793,485,920)
8. Thu nhập khác	31	22	7,103,951,419	3,809,352,257
9. Chi phí khác	32		33,392,617	813,478,430
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7,070,558,802	3,995,873,827
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14,174,053,804	(91,797,612,093)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		14,174,053,804	(91,797,612,093)
15. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	25	363	(2,354)



Nguyễn Đô Tấn
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2013

Lý Thị Quy
 Kế toán trưởng

Lưu Lan Hương
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÁU B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	1.323.811.817	121.368.763.954
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(3.979.121.978)	(6.787.640.069)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	03	-	(2.333.412.791)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	735.772.742.058	1.582.318.307.837
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(768.537.666.361)	(1.208.313.848.570)
6. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(10.892.622.284)	(12.868.973.316)
7. Tiền chi trả cho người lao động	11	(4.593.087.833)	(10.974.510.832)
8. Tiền chi trả lãi vay	12	(3.002.092.656)	(54.950.936.634)
9. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(1.940.000.000)	(1.000.000.000)
10. Tiền thu khác	14	97.133.669.742	2.309.886.218.426
11. Tiền chi khác	15	(22.014.279.891)	(2.306.401.610.674)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	19.271.353.264	310.053.232.141
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(87.030.998)	(1.423.892.367)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	39.198.300	189.908.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	5.770.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.801.610.800)	(450.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.584.222.952	2.541.509.789
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	8.464.779.454	837.925.422
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	441.090.436.080
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.833.551.881)	(865.609.069.189)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(10.833.551.881)	(424.518.633.109)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	16.902.580.837	(113.627.468.546)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	51.807.725.150	166.435.180.696
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	68.710.305.987	51.807.725.150



Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2013

Lã Thị Quy
Kế toán trưởng

Lưu Lan Hương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Bảo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ: B 09-CTCK

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006 với vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; Giấy phép thành lập và hoạt động số 373/BCK-GP/HKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2006.

Theo Quyết định số 1244/BCK-GP ngày 23/04/2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên 260.000.000.000 đồng. Trung năm 2010, Công ty tăng vốn điều lệ lên 390.000.000.000 đồng và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 338/BCKE-GP ngày 07/07/2010.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 72 người (tại ngày 31/12/2011 là 107 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư chủ mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, nằm trong tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đang tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Ký kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương: Một số cổ đông của Công ty này đồng thời là cổ đông của Công ty.
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN CHÂU Á THẠI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-CTCK

Các thông tin này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan của Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi chung trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo hướng dẫn dẫn trong Thông tư số 11/2006/TT-BTC ngày 01/02/2006 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn trữ các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Trương hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phân ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các Công ty nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp được từ các bên vào đơn vị nhận đầu tư.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng từ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu cũng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chưa cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 06

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 10 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài, được phân bổ từ 2 năm đến 4 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian nhưng đủ dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí tài trợ khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế tài sản

Các khoản thuế theo hợp đồng thuế hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuế.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÁU Á THẢI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

• **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hợp đồng môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức có phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

• **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập từ phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên hàng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau công về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN CHÀU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09-CTCK

Các thông minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2012, Công ty còn khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 là 17.656.761.846 VND và khoản lỗ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là 94.339.121.882 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 3 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	30/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	92.921.377	300.300.155
Tiền gửi ngân hàng	3.346.933.360	13.684.076.447
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	43.454.838.333	323.348.548
Các khoản tương đương tiền (i)	17.855.612.717	37.800.000.000
	<u>68.710.305.987</u>	<u>51.807.725.150</u>

Trong số dư tiền gửi ngân hàng và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán có bao gồm 47.351.490.456 VND là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán (xem thêm Thuyết minh số 18).

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN CHÂU Á THẢI BÌNH DƯƠNG

Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thành viên này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
5.2. Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Giảm so với giá thị trường
Cổ phiếu niêm yết			4.713.608.826
API	503.600	5.736.542.430	4.421.982.430
HMC	140.000	1.316.000.000	182.000.000
Khác	26.173	331.987.677	109.626.396
Cổ phiếu chưa niêm yết			730.815.264
HIG	51.223	959.871.033	739.412.153
Công ty cổ phần đầu tư điện lực Hà Nội	2.885.900	28.859.000.000	-
Công ty CP Dầu khí Liên Minh	1.300.000	23.400.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Địa ốc Sài Gòn Xanh	451.500	14.304.250.000	-
Công ty CP Thiệp Đình Vũ	180.400	5.625.000.000	-
Công ty CP đầu tư Bất động sản Hà Nội	142.800	3.200.000.000	-
Công ty CP đầu tư xây lắp dầu khí Việt Nam	400.000	4.800.000.000	-
Khác	243.996	7.117.681.792	600.111

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán (i)	21.271.100.000	21.271.100.000
Phải thu hoạt động giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán	97.264.836.635	105.943.616.157
Phải thu ứng trước tiền bán	16.355.439.107	4.563.274.374
Lãi dự thu hoạt động giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán	12.115.043.061	12.146.239.079
Lãi dự thu từ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.463.797.954	15.289.093.946
Các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	91.604.380	46.302.913.824
Phải thu khác	9.669.540.131	14.341.658.986
	172.531.183.368	219.857.896.366

Ghi chú:

(i) Phải thu liên quan đến các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng và Vật liệu xây dựng (COTECH) với giá trung bình 12.489 đồng/cổ phiếu và các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Liên Minh với giá trung bình 11.000 đồng/cổ phiếu. Cổ phiếu của hai Công ty này chưa niêm yết. Tại ngày 31/12/2012, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu.

7. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	(46.415.873.569)	(1.701.180.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	34.489.229.036	-
Số trích lập trong năm	(1.775.366.892)	(44.714.592.969)
Số dư cuối kỳ	(13.702.011.425)	(46.415.873.569)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHIAU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	9.709.861.989	11.963.366.162
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.000.000	62.395.000
	<u>9.710.861.989</u>	<u>12.025.761.162</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 31/12/2011	202.306.252	1.439.889.000	7.360.628.634	9.002.823.886
Tăng trong năm	-	-	87.030.998	87.030.998
Mua sắm mới	-	-	87.030.998	87.030.998
Giảm trong năm	-	-	39.198.300	39.198.300
Thanh lý	-	-	39.198.300	39.198.300
Tại ngày 31/12/2012	<u>202.306.252</u>	<u>1.439.889.000</u>	<u>7.408.461.332</u>	<u>9.050.656.584</u>
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LŨY KẾ				
Tại ngày 31/12/2011	31.473.396	182.809.725	5.823.054.512	6.707.337.633
Tăng trong năm	18.973.453	135.593.000	679.179.024	833.745.477
Khấu hao trong kỳ	18.973.453	135.593.000	679.179.024	833.745.477
Giảm trong năm	-	-	34.403.300	34.403.300
Thanh lý	-	-	34.403.300	34.403.300
Tại ngày 31/12/2012	<u>70.446.849</u>	<u>288.402.725</u>	<u>6.167.830.236</u>	<u>6.526.679.819</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	170.832.856	1.287.079.275	1.837.574.122	3.295.486.253
Tại ngày 31/12/2012	<u>131.859.403</u>	<u>1.151.486.275</u>	<u>1.240.631.096</u>	<u>2.823.976.774</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2011	3.362.753.900	165.950.288	3.528.704.188
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	<u>3.362.753.900</u>	<u>165.950.288</u>	<u>3.528.704.188</u>
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày 31/12/2011	876.089.448	59.926.489	936.015.937
Tăng trong năm	401.382.369	55.316.763	456.699.132
Khấu hao trong kỳ	401.382.369	55.316.763	456.699.132
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.277.471.817</u>	<u>115.243.252</u>	<u>1.392.715.069</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	2.486.664.452	106.023.799	2.592.688.251
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.085.282.083</u>	<u>50.707.036</u>	<u>2.135.989.119</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Dầu tư dự án tại Khu đô thị mới An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	3.619.500.000	3.619.500.000
	<u>3.619.500.000</u>	<u>3.619.500.000</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
Số dư đầu năm	524.180.083	2.117.207.103
Tăng trong năm	73.108.000	373.758.631
Phân bổ vào chi phí trong năm	(86.628.744)	(2.171.783.711)
Số dư cuối năm	<u>512.659.339</u>	<u>524.180.083</u>

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
Tiền nộp ban đầu	494.938.176	494.938.176
Tiền nộp bổ sung	4.770.706.230	4.770.706.230
Lãi phân bổ trong năm	1.507.115.617	841.913.661
Số dư cuối năm	<u>6.772.760.023</u>	<u>6.110.562.467</u>

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Vay tổ chức	1.500.000.000	36.109.739.991
	<u>1.500.000.000</u>	<u>36.109.739.991</u>

Khoản vay ngắn hạn cuối năm là vay Đơn quản lý dự án Đại học Đông Nam Á phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 9%/năm.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	-	3.661.803.848
Thuế thu nhập doanh nghiệp	260.000.000	2.200.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	3.281.341.231	2.268.000.250
	<u>3.541.341.231</u>	<u>8.129.843.102</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân là số chưa được cơ quan thuế quyết toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN CHÁU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
MẪU B 09-CTCK
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo
16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	477.054.461	2.355.612.341
Chi phí phải trả khác	3.215.432.485	3.367.921.069
	3.692.486.946	5.723.533.410

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả phải nộp khác	1.995.429.754	1.548.511.462
	1.995.429.754	1.548.511.462

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	53.942.141	49.572.231
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	83.000.934	88.494.032
Phải trả tiền ký quỹ của nhà đầu tư	43.351.490.456	45.379.004.921
	47.488.433.531	45.517.071.184

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2011	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	2.048.729.980
Tăng trong năm	-	-	-	1.330.401.001
Tăng khác	-	-	-	1.330.401.001
Giảm trong năm	-	-	-	(91.797.612.093)
Lỗi trong năm	-	-	-	(91.797.612.093)
Số dư tại 31/12/2011	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	(88.418.481.112)
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	14.174.053.804
Lãi trong năm	-	-	-	14.174.053.804
Số dư tại 31/12/2012	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	(74.244.427.308)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2012:

Cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập:

- Số cổ phiếu được phép phát hành
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ
- Mệnh giá của cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang treo hành tại thời điểm cuối năm

30.000.000 cổ phiếu
 30.000.000 cổ phiếu
 10.000 đồng/cổ phiếu
 30.000.000 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN CHÂU Á THẢI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B-09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.011.245.408	12.355.449.657
	6.105.498.400	3.529.979.929
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	20.900.000	329.545.355
Doanh thu hoạt động tư vấn	619.394.714	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	15.272.027.939	71.987.399.793
Doanh thu khác	2.087.952.166	5.189.489.148
<i>Doanh thu tăng trước tiền bán</i>	-	1.429.893.630
<i>Doanh thu các hợp đồng bán lại chứng khoán</i>	-	-
<i>Doanh thu hoạt động giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán</i>	3.504.608.996	46.720.220.956
<i>Doanh thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư ngắn hạn</i>	7.683.609.777	18.657.883.839
<i>Doanh thu khác</i>	952.000	-
	31.033.366.461	86.202.374.834

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí môi giới	3.386.970.344	6.198.533.098
Chi phí đầu tư chứng khoán góp vốn	3.851.850.949	55.675.026.192
Chi phí dự phòng	(3.585.586.144)	42.085.118.945
Chi phí lãi vay	5.423.634.550	43.063.695.393
Chi phí khác	4.986.784.515	20.544.095.919
	14.063.654.214	167.566.549.550

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Cho thuê văn phòng	2.274.272.858	3.105.096.033
Thu nhập khác	4.329.673.561	704.256.224
	7.103.946.419	3.809.352.257

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.174.053.804	(91.797.812.092)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (có thuế được chia)	(4.910.882.096)	(2.541.509.789)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	144.000.000	-
Chuyển lỗ của năm trước	(9.407.171.708)	-
Thu nhập chịu thuế	-	(94.339.121.882)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
 Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÁN LẠI

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến khoản mục sau:

	31/12/2012
	VNĐ
	77.512.355.713
Lỗi tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, năm hết hạn để chuyển số lỗ này là năm 2013	
Lỗi tính thuế Công ty chuyển năm 2009	10.104.529.034
Lỗi tính thuế Công ty chuyển năm 2010	60.761.331.571
Lỗi tính thuế Công ty chuyển năm 2012	9.467.174.708
Lỗi tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 còn lại chuyển lỗ vào các kỳ tiếp theo	17.230.223.420
	94.339.121.883
Lỗi tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, năm hết hạn để chuyển số lỗ này là năm 2016	

Khoản lỗ tính thuế này chưa được cơ quan thuế quyết toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

25. LỢI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lợi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận để tính lợi cơ bản trên cổ phiếu	14.174.033.804	(91.791.612.093)
Số hình quản gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lợi cơ bản trên cổ phiếu	39.000.000	39.000.000
Lợi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	363	(2.354)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

26. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện
	Cổ phiếu	VNĐ
a) Của Công ty chứng khoán	1.343.000	8.816.546.900
- Cổ phiếu	1.343.000	8.816.546.900
b) Của nhà đầu tư	384.361.830	3.286.898.695.600
- Cổ phiếu	384.361.830	3.286.898.695.600
	385.704.830	3.295.715.242.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B-09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Nhận tiền ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	-	58.000.000.000
Tiền ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	7.499.999.991	53.500.000.000
Lãi phải trả hoạt động ủy thác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	-	2.885.801.774
Số dư với bên liên quan		
	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Phải trả tiền ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	-	7.499.999.991
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc	1.013.771.000	1.617.909.900

28. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Thuế hoạt động là các khoản thuế vẫn phải nộp của Công ty. Chi phí thuế hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 6.004.375.920 đồng.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty có khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng 1 năm tới	6.140.832.412	6.184.812.374
Từ năm thứ hai đến năm thứ tư	6.037.515.264	11.336.612.639
	12.178.347.676	17.521.425.014

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công cụ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3).

Tại báo cáo tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THẢI BÌNH DƯƠNG
 Số 13 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B-09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.710.203.987	-	31.807.723.130	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	172.807.572.154	(13.792.011.425)	221.318.306.212	(46.415.873.569)
Các khoản cho vay	31.782.230.539	-	58.673.865.980	-
Đầu tư ngắn hạn	97.650.132.952	(5.453.674.090)	89.221.204.110	(7.449.012.308)
Đầu tư dài hạn	3.326.610.800	-	1.825.000.000	-
	374.276.971.432	(19.245.685.515)	422.046.161.432	(53.864.885.777)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			1.300.000.000	36.309.750.091
Phải trả người bán			336.373.099	713.836.830
Chi phí phải trả			1.692.486.946	3.754.533.406
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			1.995.429.754	1.548.511.462
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			47.488.433.531	45.513.071.183
Phải trả bộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu			1.978.626.617	1.964.087.900
			32.981.350.247	91.804.300.773

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đường cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trả đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÀU Á THẢI BÌNH DƯƠNG
 Số 14 Lê Đại Hành, Thái Bá Trung, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro về tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đơn bảo tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Các nghiệp vụ mua hàng hóa của Công ty phát sinh không đáng kể do đó Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.710.305.987	-	-	68.710.305.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	172.807.572.154	-	-	172.807.572.154
Các khoản cho vay	31.782.250.559	-	-	31.782.250.559
Đầu tư ngắn hạn	97.650.132.953	-	-	97.650.132.953
Đầu tư dài hạn	-	3.326.610.800	-	3.326.610.800
	370.950.261.653	3.326.610.800	-	374.276.872.453
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.807.725.150	-	-	51.807.725.150
Phải thu khách hàng, phải thu khác	221.318.366.212	-	-	221.318.366.212
Các khoản cho vay	58.673.865.980	-	-	58.673.865.980
Đầu tư ngắn hạn	89.221.204.110	-	-	89.221.204.110
Đầu tư dài hạn	-	1.025.000.000	-	1.025.000.000
	421.021.161.452	1.025.000.000	-	422.046.161.452

115 /
 3 TY
 PHÁP
 KH
 AU /
 NH D
 UNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu nắm giữ và chưa nắm giữ mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đáo hạn và tài sản đáo hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và tín vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000
Phải trả người bán	336.373.399	-	-	336.373.399
Chi phí phải trả	3.692.486.946	-	-	3.692.486.946
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.905.429.754	-	-	1.905.429.754
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	47.488.433.531	-	-	47.488.433.531
Phải trả hệ số tức, gốc và lãi trái phiếu	3.978.626.617	-	-	3.978.626.617
	56.991.350.247	-	-	56.991.350.247
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	36.109.750.991	-	-	36.109.750.991
Phải trả người bán	713.836.830	-	-	713.836.830
Chi phí phải trả	5.734.533.406	-	-	5.734.533.406
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.548.511.462	-	-	1.548.511.462
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	45.513.071.384	-	-	45.513.071.384
Phải trả hệ số tức, gốc và lãi trái phiếu	1.964.687.900	-	-	1.964.687.900
	91.604.400.773	-	-	91.604.400.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm 2011 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm tài chính này. Cụ thể:

Khoản mục	Mã số	Tại ngày 31/12/2011		Ghi chú
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	
Phải thu khác	138	315.294.821.992	219.857.896.566	[1]
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	40.949.796.610	45.513.071.184	[1]

[1]: Trong năm 2012, Công ty đã hạch toán tài khoản phải thu khoản ứng trước tiền bán chứng khoán tương ứng với tài khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, theo đó số liệu của năm 2011 được điều chỉnh hồi tố tương ứng, nên đã làm tăng thêm khoản mục phải thu khác và phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán tương ứng với giá trị là 4.563.274.574 VND. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc thay đổi hạch toán khoản ứng trước tiền bán chứng khoán này sẽ mang lại thông tin đáng tin cậy và phù hợp hơn trong báo cáo tài chính.



Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2013



Lã Thị Quy
Kế toán trưởng



Lưu Lan Hương
Người lập biểu



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




NGUYỄN ĐỖ LĂNG